

**BÁO CÁO**

**Đánh giá tình hình triển khai, thực hiện Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển ngành công nghiệp Công nghệ thông tin đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025**

Thực hiện công văn số 798/BTTTT-CNTT ngày 21/3/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc đánh giá tình hình triển khai Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình báo cáo đánh giá tình hình triển khai Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 của tỉnh Hòa Bình, cụ thể như sau:

**I. CÁC KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

**I.1. Kết quả sản xuất, kinh doanh (triệu USD):** Hiện tại, tỉnh Hòa Bình chưa có Khu công nghiệp CNTT.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2018	Ghi chú
1	Doanh thu phần cứng, điện tử	0	0	
2	Doanh thu phần mềm	0	0	
3	Doanh thu nội dung số	0	0	
4	Doanh thu dịch vụ CNTT (trừ buôn bán, phân phối)	0	0	
5	Doanh thu buôn bán, phân phối sản phẩm, dịch vụ CNTT	0	0	
6	Tổng doanh thu công nghiệp CNTT	0	0	

**I.2. Kết quả thu hút FDI từ 2015 đến nay (triệu USD)**

- Tổng vốn thu hút FDI cho CNTT: không có
- Thu hút FDI cho phần cứng, điện tử: không có
- Thu hút FDI cho phần mềm và nội dung số: không có

**I.3. Vị trí của thành phố về xếp hạng hấp dẫn về gia công phần mềm toàn cầu trong các năm từ 2014 đến nay: không có**

**I.4. Tỷ trọng % mua sắm các sản phẩm thương hiệu Việt Nam trong tổng kinh phí mua sắm đầu tư hàng năm của các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và xã hội:**

- Năm 2014: 10%

- Năm 2018: 25%

**I.5. Tỷ trọng kinh phí thuê dịch vụ CNTT trên tổng chi phí mua sắm CNTT:**

- Năm 2014: 5%

- Năm 2018: 20%

**I.6. Kết quả xây dựng các Khu CNTT tập trung (số liệu tổng hợp từ các Khu báo cáo):** Hiện tại, tỉnh Hòa Bình chưa có Khu công nghiệp CNTT

**I.7. Số lượng nhân lực CNTT:** Hiện tại, tỉnh Hòa Bình chưa có Khu công nghiệp CNTT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2014	2018
<b>1</b>	<b>Tổng số lao động CNTT</b>	<b>Người</b>		
1.1	Lao động lĩnh vực phần cứng, điện tử	Người		
1.2	Lao động lĩnh vực phần mềm	Người		
1.3	Lao động lĩnh vực nội dung số	Người		
1.4	Lao động lĩnh vực dịch vụ CNTT (trừ buôn bán, phân phối)	Người		
1.5	Lao động lĩnh vực buôn bán, phân phối các sản phẩm, dịch vụ CNTT	Người		
<b>2</b>	<b>Thu nhập bình quân hàng năm của lao động CNTT</b>	<b>Triệu VND /người</b>		
2.1	Thu nhập bình quân của lao động lĩnh vực phần cứng, điện tử	Triệu VND /người		
2.2	Thu nhập bình quân của lao động lĩnh vực phần mềm	Triệu VND /người		
2.3	Thu nhập bình quân của lao động lĩnh vực nội dung số	Triệu VND /người		
2.4	Thu nhập bình quân của lao động lĩnh vực dịch vụ CNTT (trừ buôn bán, phân	Triệu VND /người		

	phối)			
2.5	Thu nhập bình quân của lao động lĩnh vực buôn bán, phân phối các sản phẩm, dịch vụ CNTT	Triệu VND /người		

## II. CÁC NHIỆM VỤ ĐÃ TRIỂN KHAI THUỘC CHƯƠNG TRÌNH

### 1. Các hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực hoạt động và sức cạnh tranh của các tổ chức, doanh nghiệp

Thực hiện quy định về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia vào hoạt động của cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước.

Sở Khoa học và Công nghệ đã triển khai thực hiện việc xây dựng, duy trì, áp dụng và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh. Qua công tác triển khai đến nay cơ bản đã mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước của chính quyền các cấp; hỗ trợ đắc lực cho quá trình cải cách hành chính đặc biệt là thủ tục hành chính, cơ chế “Một cửa, một cửa liên thông”.

- Số cơ quan, tổ chức triển khai xây dựng, áp dụng và duy trì HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015: Tính đến thời điểm 31/12/2018, tỉnh Hòa Bình đã thực hiện triển khai xây dựng, áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã.

### 2. Phát triển sản phẩm CNTT trọng điểm

a) Đầu tư phát triển các sản phẩm phần mềm dùng trong cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và xã hội, (các phần mềm cho các hệ thống lớn, phần mềm ứng dụng trên mạng di động, mạng internet; phát triển các sản phẩm, giải pháp dựa trên phần mềm nguồn mở và trên nền công nghệ mở):

- Tỉnh Hòa Bình hiện nay đã đầu tư phát triển 05 sản phẩm phần mềm dùng chung phục vụ hoạt động trong cơ quan các cơ quan nhà nước gồm: Cổng thông tin điện tử tỉnh Hòa Bình, phần mềm một cửa điện tử, Cổng dịch vụ công, phần mềm quản lý văn bản và điều hành, hệ thống thư điện tử công vụ.

- Ngoài ra, còn có những hệ thống phần mềm chuyên ngành, được quản lý tập trung có lượng người sử dụng lớn như: Phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức; Phần mềm về tiếp công dân và xử lý đơn thư; Hệ thống quản lý công chức PMIS; Hệ thống thông tin phổ cập giáo dục; Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc (Tabmis), Phần mềm đăng ký và quản lý hộ tịch; phần mềm quản lý tài chính – kế toán, phần mềm quản lý tài sản cố định... đã được các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai sử dụng.

- Hiện nay, các doanh nghiệp lớn về công nghệ thông tin, viễn thông trên địa bàn tỉnh Hòa Bình đang có các sản phẩm phần mềm sẵn sàng cung cấp cho các tổ chức, doanh nghiệp như sau:

+ Chi nhánh Viettel Hòa Bình:

\* Lĩnh vực Y tế: Hệ thống tiêm chủng Quốc Gia; hệ thống quản lý Merthanol, hệ thống Y tế cơ sở; hệ thống Quản lý bệnh viện; hệ thống quản lý nhà thuốc; hệ thống quản lý khám chữa bệnh từ xa.

\* Lĩnh vực giáo dục: Hệ thống quản lý nhà trường; hệ thống giáo dục trực tuyến; hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục; hệ thống thi tuyển sinh đầu cấp; hệ thống cơ sở dữ liệu ngành; hệ thống phần mềm xếp thời khóa biểu.

\* Lĩnh vực xã hội: Hệ thống cảnh báo cháy nhanh; hệ thống giao thông thông minh; hệ thống chiếu sáng thông minh; hệ thống quan trắc môi trường; hệ thống truyền thông diện rộng; hệ thống nông nghiệp thông minh; du lịch thông minh.

\* Lĩnh vực an ninh, quốc phòng: Hệ thống tường lửa quốc gia; hệ thống giám sát; hệ thống an ninh mạng.

+ VNPT Hòa Bình:

\* Cung cấp bộ giải pháp quản lý cho ngành Giáo dục bao gồm: vnPortal (Cổng thông tin Giáo dục); vnEdu (Phần mềm Quản lý trường học); Hệ thống thẻ học sinh - lớp học thông minh.

\* Các giải pháp IoT: quan trắc nước, không khí, thủy điện; Nông nghiệp thông minh.

\* Các giải pháp doanh nghiệp: Hóa đơn điện tử; VNPT-SmartAds; VNPT-OLAP; Hệ thống điều hành SXKD phục vụ doanh nghiệp

\* Hệ thống Camera giám sát an ninh, giao thông.

\* Hệ thống Wifi công cộng.

\* Hệ thống Hội nghị truyền hình 3 cấp, liên thông 4 cấp VNPT MegaVmeeting.

\* Các giải pháp chính quyền điện tử, Y tế gồm : VNPTiOffice; Chỉ đạo điều hành; Chữ ký số; các giải pháp tích hợp vào phần mềm VNPTiOffice; Các giải pháp y tế: VNPT His; y tế cơ sở, HSSK điện tử, VNPT Pharmacy, VNPT Lis/Pacs.

\* Nhắn tin thương hiệu SMS Brandname.

- Hỗ trợ nâng cao năng lực của các doanh nghiệp phần mềm nguồn mở (PMNM), đào tạo đội ngũ chuyên gia kỹ thuật về PMNM; hỗ trợ đào tạo, chuyển giao, triển khai sản phẩm PMNM; nâng cao năng lực cho cộng đồng PMNM Việt Nam và xây dựng các trung tâm hỗ trợ về PMNM; biên soạn tài liệu, giáo trình đào tạo, ngân hàng đề thi và sát hạch PMNM; tổ chức tuyên truyền, quảng bá, nâng cao nhận thức về PMNM và các nội dung khác:

- Số liệu phần mềm đã phát triển trong CQNN, doanh nghiệp, xã hội sẵn sàng cung cấp trên địa bàn tỉnh, tính từ năm 2015 đến nay: 68 phần mềm các loại.

- Số phần mềm nguồn mở được phát triển tính từ 2015 đến nay: 18 sản phẩm.

- Số lượng khóa đào tạo, số người được đào tạo về PMNM từ 2015 đến nay: Tổng số 20 lớp đào tạo (mỗi năm tổ chức 5 lớp, trung bình 50 người/ lớp) với khoảng trên 1 000 người.

b) Phát triển các sản phẩm nội dung số thương hiệu Việt; các sản phẩm phục vụ cơ quan nhà nước, giáo dục, nông nghiệp, nông thôn; các sản phẩm trên mạng di động internet, công cụ, dịch vụ tìm kiếm trên mạng:

\* Số sản phẩm nội dung thương hiệu Việt được phát triển từ 2015 đến nay: 68 sản phẩm.

\* Số sản phẩm nội dung số phục vụ CQNN, các lĩnh vực kinh tế xã hội (giáo dục, y tế, giao thông) từ 2015 đến nay: 18 sản phẩm.

c) Đầu tư, nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất các sản phẩm phần cứng, tích hợp hệ thống mà Việt Nam có lợi thế hoặc vì yêu cầu an toàn an ninh; các sản phẩm vi mạch điện tử, bán dẫn; phát triển công nghiệp hỗ trợ trong lĩnh vực phần cứng – điện tử: **Không có**

d) Đầu tư phát triển các sản phẩm CNTT trọng điểm, sản phẩm an toàn thông tin, sản phẩm CNTT phục vụ các hệ thống thông tin đa quốc gia, an ninh, quốc phòng: **Không có**

### 3. Phát triển dịch vụ CNTT

a) Nâng cao năng lực và sức cạnh tranh cho các tổ chức, doanh nghiệp dịch vụ CNTT:

Tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp giải quyết TTHC thông qua cơ chế một cửa từ cấp tỉnh xuống đến cấp xã. Hiện nay tỉnh Hòa Bình đã triển khai phần mềm một cửa điện tử, điện tử liên thông tại 19 sở, ngành, 11 UBND cấp huyện, 210 xã, phường, thị trấn.

b) Các hoạt động đầu tư, hỗ trợ nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm, chuyển giao, cung cấp một số dịch vụ CNTT mà địa phương có lợi thế cạnh tranh, hoặc có hàm lượng chất xám cao, hoặc có khả năng xuất khẩu, hoặc được sử dụng nhiều trong các cơ quan nhà nước, dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây, hoặc dịch vụ CNTT trên mạng mà có khả năng định hướng thông tin như các mạng xã hội, công cụ tìm kiếm, công cụ dịch, các sản phẩm giải trí trên mạng:

Tỉnh Hòa Bình chủ yếu đầu tư, mua sắm các sản phẩm, dịch vụ CNTT phục vụ cơ quan nhà nước như:

- Xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh phục vụ cho hoạt động chỉ đạo điều hành của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Đầu tư hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến phục vụ hoạt động chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo tỉnh.

- Xây dựng Công thông tin điện tử tỉnh; Công thông tin du lịch tỉnh; Trang thông tin điện tử thành phần đến 100% các sở, ban, ngành; UBND các huyện/TP và UBND các xã phường, thị trấn, Hệ thống quản lý văn bản, Hệ thống Một cửa điện tử, điện tử liên thông 100% cơ quan hành chính nhà nước...

c) Hỗ trợ phát triển ngành dịch vụ công nghệ thông tin, đặc biệt là dịch vụ gia công quy trình kinh doanh và dịch vụ gia công phần mềm, nội dung số cho nước ngoài. Khảo sát, đánh giá thị trường và xây dựng quy hoạch phát triển ngành, xây dựng hệ sinh thái dịch vụ CNTT Việt Nam; đầu tư xây dựng hệ thống đăng ký và thông tin về dịch vụ CNTT; tổ chức khảo sát, đánh giá, xếp hạng, gắn sao cho tổ chức, doanh nghiệp cung cấp một số loại dịch vụ CNTT tại Việt Nam: **Không có**

d) Hỗ trợ đầu tư phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao thông qua các giải pháp về cơ chế, chính sách ưu đãi thuế, xúc tiến thương mại, đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh và đào tạo phát triển nguồn nhân lực. **Không có**

- Các hoạt động xúc tiến đầu tư: không có

- Chi cho xúc tiến đầu tư: không có

- Các hoạt động xúc tiến thương mại: không có

- Chi cho xúc tiến thương mại: không có

đ) Phát triển ngành dịch vụ dữ liệu và phân tích dữ liệu tại Việt Nam, hình thành một số doanh nghiệp chuyên nghiệp về cung cấp dịch vụ dữ liệu và phân tích dữ liệu, đủ sức chiếm lĩnh thị trường nội địa, từng bước tiến ra thị trường quốc tế; nhà nước hỗ trợ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ dữ liệu và dịch vụ phân tích dữ liệu do các doanh nghiệp Việt Nam cung cấp. **Không có**

## 5. Phát triển nguồn nhân lực CNTT

a) Hỗ trợ tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn nâng cao kỹ năng quản lý, kiến thức, kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm cho nhân lực CNTT phù hợp yêu cầu thực tế; đào tạo ngoại ngữ cho người làm CNTT và đào tạo kỹ năng CNTT cho người giỏi ngoại ngữ muốn làm CNTT; hỗ trợ tổ chức các khóa đào tạo về kỹ năng sử dụng CNTT, bồi dưỡng kỹ năng khai thác tài nguyên mạng, tài nguyên CNTT, kỹ năng sử dụng các dịch vụ trực tuyến cho doanh nghiệp, cộng đồng, người dân:

- Số lượng khóa đào tạo ngắn hạn đã được tổ chức từ 2015 đến nay: 11 lớp đào tạo kỹ năng sử dụng dịch vụ công trực tuyến cho cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan nhà nước để hỗ trợ người dân khai thác, sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Số lượt người được đào tạo từ 2015 đến nay: 800 người.



b) Bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức các cấp về kỹ năng sử dụng CNTT; bổ sung nội dung phần mềm nguồn mở vào các chương trình bồi dưỡng và thi tuyển, nâng ngạch cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Số khóa đào tạo từ 2015 đến nay: hàng năm tổ chức tập chung tại tỉnh 6-10 lớp

- Số lượt người được đào tạo từ 2015 đến nay: mỗi năm ước khoảng 1000-1300 người

### III. Kinh phí bố trí cho triển khai Chương trình từ 2015 đến 2018

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên chỉ tiêu	2015	2016	2017	2018
1	<i>Nguồn kinh phí của trung ương</i>				
1.1	Nguồn chi đầu tư phát triển				
1.2	Nguồn chi sự nghiệp				
2	<i>Nguồn kinh phí của địa phương</i>				
2.1	Nguồn chi đầu tư phát triển				
2.2	Nguồn chi sự nghiệp				
3	<i>Nguồn khác</i>				

### IV. Các khó khăn, vướng mắc

1. Các khó khăn về cơ chế, chính sách: Tỉnh Hòa Bình chưa có khu công nghiệp công nghệ thông tin.

2. Khó khăn về nguồn vốn: Nguồn kinh phí chi cho công nghiệp công nghệ thông tin của tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển.

### III. Các đề xuất, kiến nghị:

1. Về mục tiêu phát triển công nghiệp CNTT đến năm 2025, định hướng 2030

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2025	2030
1	Công nghiệp CNTT			

1.1	Doanh thu	Triệu USD		
1.2	Tỷ lệ tăng trưởng doanh thu	%		
1.3	Xuất khẩu	Triệu USD		
1.4	Xuất siêu (Xuất khẩu - Nhập khẩu)	Triệu USD		
1.5	Nhân lực công nghiệp CNTT	Người		
1.6	Số lượng Startup CNTT mới thành lập	Doanh nghiệp		
1.7	Xếp hạng quốc tế (nếu có)			
1.8	Tỷ lệ đóng góp vào GDP địa phương	%		
<b>2</b>	<b>Phần cứng, điện tử</b>			
2.1	Doanh thu	Triệu USD		
2.2	Tỷ lệ tăng trưởng	%		
2.3	Xuất khẩu	Triệu USD		
2.4	Xuất siêu (Xuất khẩu - Nhập khẩu)	Triệu USD		
2.5	Nhân lực phần cứng, điện tử	Người		
2.6	Số lượng Startup mới thành lập	Doanh nghiệp		
2.7	Xếp hạng quốc tế (nếu có)			
<b>3</b>	<b>Phần mềm</b>			
3.1	Doanh thu	Triệu USD		
3.2	Tỷ lệ tăng trưởng	%		
3.3	Xuất khẩu	Triệu		



		USD		
3.4	Xuất siêu (Xuất khẩu - Nhập khẩu)	Triệu USD		
3.5	Nhân lực phần mềm	Người		
3.6	Số lượng Startup mới thành lập	Doanh nghiệp		
3.7	Xếp hạng quốc tế (nếu có)			
<b>4</b>	<b>Nội dung số</b>			
4.1	Doanh thu	Triệu USD		
4.2	Tỷ lệ tăng trưởng	%		
4.3	Xuất khẩu	Triệu USD		
4.4	Xuất siêu (Xuất khẩu - Nhập khẩu)	Triệu USD		
4.5	Nhân lực nội dung số	Người		
4.6	Số lượng Startup mới thành lập	Doanh nghiệp		
<b>5</b>	<b>Dịch vụ CNTT (trừ buôn bán, phân phối)</b>			
5.1	Doanh thu	Triệu USD		
5.2	Tỷ lệ tăng trưởng	%		
5.3	Xuất khẩu	Triệu USD		
5.4	Xuất siêu (Xuất khẩu - Nhập khẩu)	Triệu USD		
5.5	Nhân lực dịch vụ CNTT	Người		
5.6	Số lượng Startup mới thành lập	Doanh nghiệp		
5.7	Xếp hạng quốc tế (nếu có)			

6	Buôn bán, phân phối sản phẩm, dịch vụ CNTT trong nước			
6.1	Doanh thu	Triệu USD		
6.2	Tỷ lệ tăng trưởng	%		
6.3	Nhân lực buôn bán, phân phối sản phẩm, dịch vụ CNTT	Người		

### 7. Mục tiêu phát triển Khu CNTT tập trung:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2025	2030
7.1	Số lượng doanh nghiệp hoạt động trong Khu	Doanh nghiệp		
7.2	Số lượng nhân lực	Người		
7.3	Doanh thu	Triệu USD		
7.4	Xuất khẩu	Triệu USD		
7.5	Xuất siêu (Xuất khẩu - Nhập khẩu)	Triệu USD		
7.5	Số lượng startup CNTT được thành lập trong Khu tại địa phương	Doanh nghiệp		
7.6	Số lượng startup về công nghiệp 4.0 trong Khu tại địa phương	Doanh nghiệp		

### 8. Các mục tiêu phát triển liên quan đến công nghiệp 4.0:

(Liên quan đến định hướng, số lượng doanh nghiệp hoạt động, sản phẩm, dịch vụ, doanh thu, xuất khẩu, nhân lực,...)

- + Trí tuệ nhân tạo AI: không có
- + Phân tích dữ liệu Bigdata: không có
- + Internet vạn vật IoT: không có
- + Robotics: không có
- + Tự động hóa: không có
- + Khác:

## 2. Các nhiệm vụ, đề án, dự án cần triển khai

- Phát triển công nghiệp phần cứng, điện tử: không có
- Phát triển công nghiệp phần mềm: không có
- Phát triển công nghiệp nội dung số: không có
- Phát triển dịch vụ CNTT: không có
- Phát triển công nghiệp 4.0: không có
- Phát triển nhân lực CNTT: trong hoạt động cơ quan hành chính nhà nước.
- Phát triển khu CNTT tập trung: Kêu gọi các doanh nghiệp để hình thành khu công nghiệp CNTT

## 3. Các giải pháp thực hiện

- Giải pháp về cơ chế, chính sách cần tháo gỡ: Cần có cơ chế, chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư để hình thành các khu, cụm công nghiệp công nghệ thông tin. Phát triển các doanh nghiệp phần mềm, nội dung số trên địa bàn tỉnh.

- Giải pháp về tài chính, nguồn vốn: Cần có hạng mục chi cho CNTT để phát triển công nghiệp công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh.

- Giải pháp về nhân lực: Có cơ chế, chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về làm việc trong các doanh nghiệp công nghệ thông tin của tỉnh./.

Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh  
Nguyễn Văn Chương;
- Vụ CNTT, Bộ TT&TT;
- Sở TT&TT;
- Chánh, Phó Chánh VPUBND tỉnh  
Phạm Anh Quý;
- Lưu VT, KGVX (Vu.6<sup>b</sup>).

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Chương

